TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: số H, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Trang Văn T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thị T và anh Trang Văn T1 tự nguyện kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp năm 2008. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau xảy ra mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Thương yêu c được ly hôn với bị đơn anh Trang Văn T1; Về con chung, có một con chung cháu Trang Khánh D, sinh ngày 14/3/2009 (giới tính nam), khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Trang Văn T1 được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trang Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn chị T xin ly hôn với bị đơn anh T1. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T1. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và không mong muốn hàn gắn hôn nhân. Trong khi, anh T1 được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh T1 cũng không mong muốn gặp gỡ chị T để hàn gắn hôn nhân. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng cả hai không thực hiện được. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Trang Văn T1 được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thương yêu c được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trang Khánh D, sinh ngày 14/3/2009 (giới tính nam) và bị đơn anh Trang Văn T1 không có văn bản nêu ý kiến về con chung. Trong khi đó, cháu D có văn bản trình bày được sống chung với chị T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Bên cạnh, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con chung và không có chứng cứ thể hiện chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung. Để giữ môi trường sống*

ổn định cho con chung cũng như đã phân tích nêu trên. Xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị T có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trang Văn T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi con chung Trang Khánh D, sinh ngày 14/3/2009 (giới tính nam) đến khi trưởng thành. Anh Trang Văn T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trang Văn T1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006523 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu